



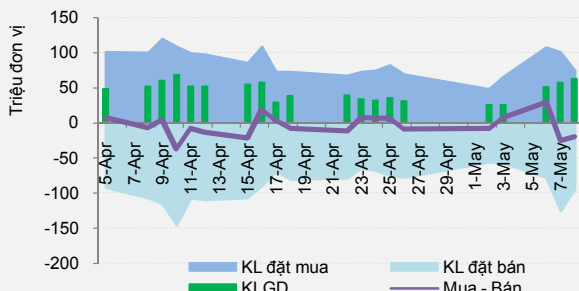
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 8/5/2013

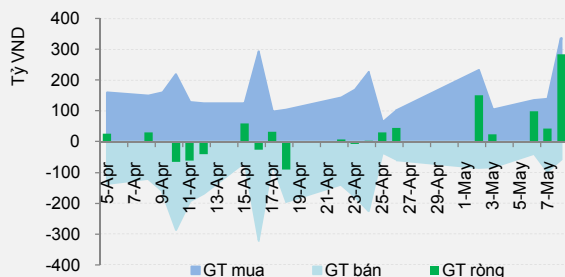
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	485.1	60.1
% Thay đổi	↓ -0.1%	↓ -0.8%
KLGD (CP)	63,517,286	31,960,962
GTGD (tỷ đồng)	1,164.53	227.71
Tổng cung (CP)	94,887,030	69,055,500
Tổng cầu (CP)	75,200,580	53,037,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,474,980	843,112
KL mua (CP)	6,852,590	1,762,200
GTmua (tỷ đồng)	337.25	18.05
GT bán (tỷ đồng)	54.29	7.39
GT ròng (tỷ đồng)	282.96	10.65

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.21%	7.2	1.4	1.5%
Công nghiệp	↓ -0.78%	17.1	0.9	11.3%
Dầu khí	↑ 0.92%	5.8	1.0	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.76%	8.2	1.4	6.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.17%	7.3	2.3	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.71%	12.6	5.0	22.6%
Ngân hàng	↑ 0.17%	5.8	1.4	27.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.57%	8.2	2.1	7.5%
Tài chính	↓ -0.14%	24.0	2.6	16.7%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.33%	9.3	3.3	5.2%
VN - Index	↓ -0.11%	13.1	3.0	83.8%
HNX - Index	↓ -0.76%	17.1	1.4	16.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideway với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì thị trường đã có phiên tăng điểm mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số VN-Index hình thành mô hình Frypan và chỉ số HNX-Index hình thành mô hình Tower bottom trên đồ thị nến là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho thị trường. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng khả năng hình thành xu hướng tăng hiện tại là thấp và cả hai chỉ số cũng đang tiếp cận gần với khu vực kháng cự mạnh, khu vực kháng cự 498-510 với VN-Index và khu vực kháng cự 60.8-61.5. Vì vậy nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ trước khi giải ngân đặc biệt là tránh mua đuổi ở vùng giá cao.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 485.07 điểm, giảm 0.51 điểm tương ứng với mức 0.11% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 37.54 triệu đơn vị, giảm 31.44% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 60.08 điểm, giảm 0.46 điểm tương ứng với mức 0.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 30.86 triệu đơn vị, giảm 35.8% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn có sự phân hóa trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như GAS tăng 0.93%, VCB tăng 0.72%, VIC tăng 0.78%... Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như BVH giảm 1.98%, MSN giảm 2.65%, CTG giảm 2.13%...

- Tiếp theo VCB, BIDV đã điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng xuống 6%/năm; 2 tháng là 6.5%/năm; từ 3 – 11 tháng là 7%/năm, trên 12 tháng là 8%/năm. Theo tìm hiểu, một số Ngân hàng khác cũng đang xem xét việc giảm lãi suất. Thị trường cũng xuất hiện kỳ vọng NHNN sẽ sớm giảm trần lãi suất huy động kỳ hạn ngắn xuống 7%/năm. Ngân hàng ANZ vừa đưa ra dự báo NHNN có thể giảm 1% lãi suất chủ chốt trong Q2.

- Việc giảm lãi suất của các Ngân hàng đến từ 1/ kỳ vọng NHNN sớm điều chỉnh giảm lãi suất điều hành trước diễn biến hạ nhiệt của lạm phát; và 2/ thanh khoản toàn hệ thống khá dồi dào. Nhóm NHTM lớn với ưu thế về thanh khoản đang đi tiên phong trong việc điều chỉnh giảm lãi suất, đón đầu động thái của NHNN. Với quy mô và mức độ ảnh hưởng của các Ngân hàng lớn đến toàn hệ thống, dự kiến việc giảm lãi suất sẽ sớm lan tỏa đến các Ngân hàng TMCP nhỏ hơn. Chi phí huy động giảm kỳ vọng giúp Ngân hàng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, đặc biệt là đối với các hợp đồng đang thực hiện.

- Hệ số ROIC - hệ số lợi nhuận trên vốn đầu tư - thể hiện tỷ lệ lợi nhuận ngành/doanh nghiệp thu được so với tổng vốn đầu tư. Một doanh nghiệp được cho là hoạt động hiệu quả khi ROIC cao hơn lãi suất vốn vay, tức là lợi nhuận doanh nghiệp thu được đủ khả năng để bù đắp khoản chi phí vốn phải trả. Tính toán hệ số ROIC của các doanh nghiệp niêm yết trên 2 sàn, hệ số ROIC trung bình toàn thị trường là 9%, vẫn thấp hơn mức lãi suất phổ biến doanh nghiệp tiếp cận được trên thị trường.

- Với hệ số ROIC cao hơn lãi suất vay vốn, ngành dầu khí (ROIC 19%), y tế (ROIC 17%), hóa chất (ROIC 17%), du lịch và giải trí (ROIC 16%) là những ngành có lợi thế. Ngành dịch vụ tài chính (ROIC - 2%), BĐS (ROIC 4%), kỹ thuật (ROIC 5%), xây dựng, VLXD (ROIC 6%), bán lẻ (ROIC 10%), ô tô và phụ tùng (ROIC 9%)... vẫn sẽ gặp khó khăn về lãi suất.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 485.07 điểm, giảm 0.51 điểm tương ứng với mức 0.11% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideways với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì thị trường đã có phiên tăng điểm mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số VN-Index hình thành mô hình Frypan và chỉ số HNX-Index hình thành mô hình Tower bottom trên đồ thị nên là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số VN-Index. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng khả năng hình thành xu hướng tăng hiện tại là thấp và chỉ số VN-Index cũng đang tiếp cận với khu vực kháng cự mạnh 498-510. Vì vậy nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ trước khi giải ngân đặc biệt là tránh mua đuổi ở vùng giá cao.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 60.08 điểm, giảm 0.46 điểm tương ứng với mức 0.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideways với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì chỉ số HNX-Index đã tăng mạnh điểm trong phiên hôm qua với khối lượng giao dịch tăng đột biến. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số HNX-Index hình thành mô hình Tower bottom trên đồ thị nên là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng khả năng hình thành xu hướng tăng hiện tại là thấp và chỉ số HNX-Index cũng đang tiếp cận với khu vực kháng cự mạnh 60.8-61.5. Vì vậy nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ trước khi giải ngân đặc biệt là tránh mua đuổi ở vùng giá cao.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.



LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tiếp phiên giảm nhẹ trên hai sàn với thanh khoản giảm. Áp lực cung chủ yếu đến từ nhà đầu tư trong nước, khối ngoại mua ròng khá mạnh trong phiên hôm nay. Diễn biến này cũng là hợp lý khi tâm lý đầu cơ đang khá phổ biến. Tuy nhiên, chúng tôi duy trì quan điểm nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có EPS 2012 cao nhất, đáp ứng tiêu chí EPS 3 năm trên 5000 đồng/cp, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có kế hoạch cổ tức năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS 2012 CAO NHẤT, ĐÁP ỨNG EPS 3 NĂM TRÊN 5000 Đ/CP

Mã CK	DT 2012	EPS 2012	CPLH 2012	DT 2011	EPS 2011	CPLH 2011	DT 2010	EPS 2010	CPLH 2010	DT 12/11	EPS 12	EPS 11/10
HGM	183	22,172	6300000	195	22,022	6000000	95	8,510	6000000	-6.3%	0.7%	158.8%
TCT	77	17,869	3197000	63	14,240	3197000	47	9,710	3197000	22.6%	25.5%	46.7%
DPR	1,377	16,245	43000000	1,837	15,746	43000000	1,028	7,831	43000000	-25.1%	3.2%	101.1%
TRC	908	12,663	29125000	1,195	16,268	29600000	758	7,203	29600000	-24.1%	-22.2%	125.9%
BMP	1,891	9,867	34983552	1,826	8,240	34983552	1,417	6,947	34876372	3.5%	19.7%	18.6%
PHR	2,214	9,216	78490047	2,583	8,229	78975047	2,030	5,433	79975047	-14.3%	12.0%	51.5%
DVP	475	9,039	20000000	403	8,100	20000000	327	5,410	20000000	18.0%	11.6%	49.7%
ABT	634	8,874	11007207	663	6,916	11764907	685	7,724	13607207	-4.3%	28.3%	-10.4%
DXP	249	8,755	7874972	180	7,173	7874972	186	13,899	5250000	38.7%	22.1%	-48.4%
VSC	779	8,702	23871902	644	8,538	23727902	548	14,746	12030551	21.0%	1.9%	-42.1%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
MSN	0	-	79,963	1,628	20,201	3.49%	8.47%	67.56	5,967	1.31	5.45	-
VNM	1,531	20.49%	268,797	2,091	20,231	32.23%	40.37%	59.31	5,199	0.74	6.13	3,400
GAS	0	-	646,074	15	14,350	21.61%	38.71%	3,574.89	5,072	0.87	3.80	-
FPT	475	39.35%	230,441	-128	23,841	10.85%	24.98%	-295.40	3,181	1.01	1.59	-
PVD	0	-	184,438	-3,103	33,216	7.70%	21.94%	-13.37	2,043	1.31	1.25	-
DPM	0	-	512,086	2,479	23,579	30.36%	35.11%	17.47	1,975	1.25	1.84	2,500
BVH	0	-	325,001	-1,686	17,802	3.00%	11.34%	-29.35	1,726	2.19	2.78	1,500
PVS	0	-	511,340	5,393	20,974	5.00%	18.40%	2.58	1,568	0.80	0.66	1,200
HAG	0	-	712,571	1,822	18,150	1.23%	3.65%	12.90	1,497	1.73	1.29	1,500
HPG	481	146.05%	500,231	2,158	21,555	6.84%	14.86%	13.44	1,393	1.47	1.35	2,000

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ KẾ HOẠCH TRẢ CỔ TỨC NĂM 2013 CAO NHẤT

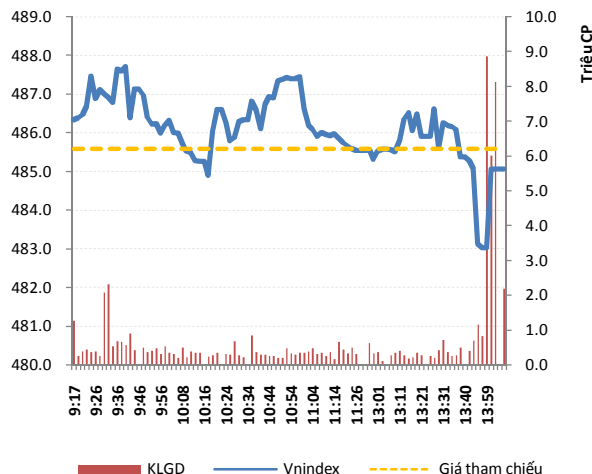
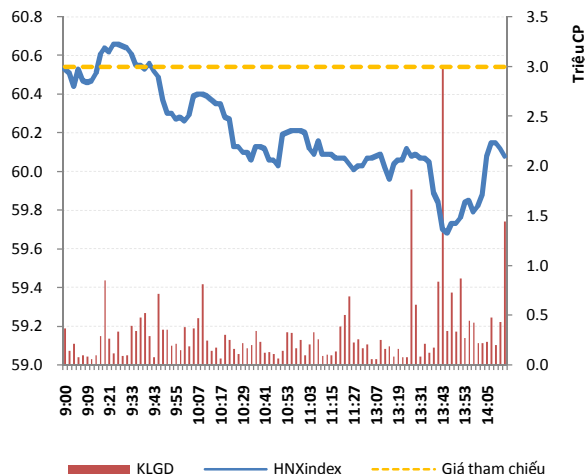
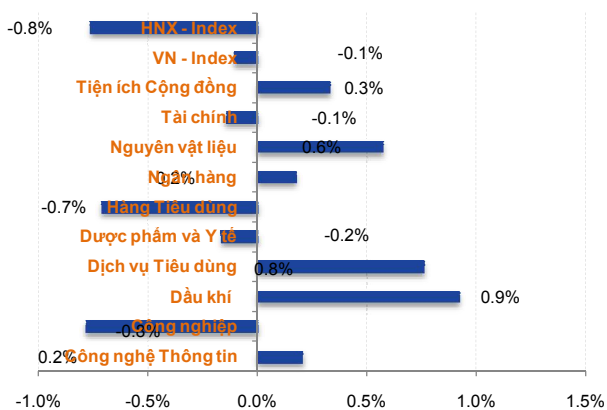
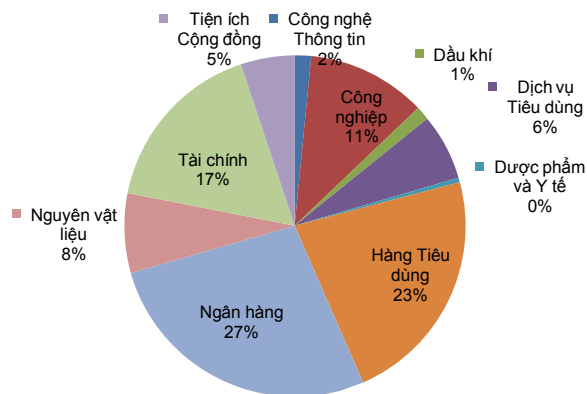
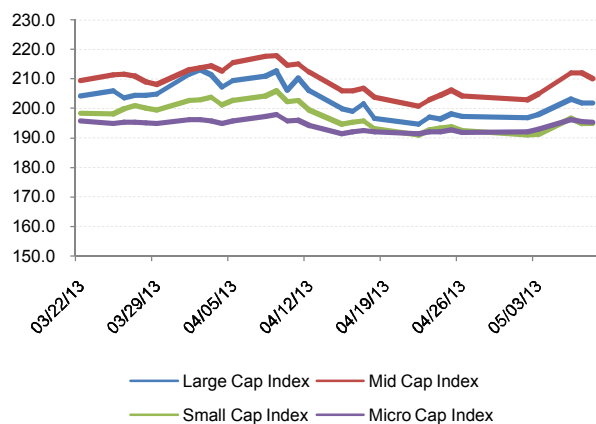
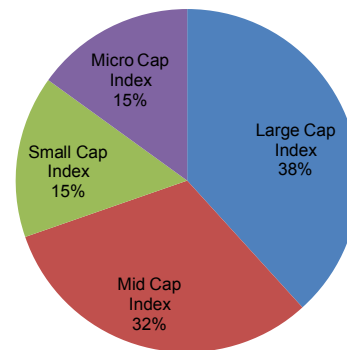
Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
QTC	0	11.22%	8,572	-648	37,049	17.30%	39.42%	-68.08	0.96	0.41	1.19	5,000
LHC	3	-26.78%	3,444	6,856	37,278	15.32%	27.81%	5.31	0.93	0.60	0.98	5,000
CNG	29	5.47%	14,885	436	17,683	19.73%	31.86%	67.74	0.57	0.41	1.67	3,500
VNM	1,531	20.49%	268,797	2,091	20,231	32.23%	40.37%	59.31	0.22	0.74	6.13	3,400
ACL	0	-	11,906	-7,179	14,548	1.88%	5.33%	-1.53	1.95	0.26	0.76	3,000
RAL	27	-13.79%	4,610	88	44,759	4.68%	14.17%	409.56	1.92	0.70	0.80	3,000
DNM	4	#DIV/0!	2,506	-357	17,128	10.99%	31.03%	-52.14	1.63	0.66	1.09	3,000
PHR	0	-	86,687	5,084	24,897	19.44%	31.78%	6.16	0.52	0.52	1.26	3,000
NSC	23	25.61%	7,026	259	26,577	22.90%	31.50%	270.41	0.38	0.46	2.63	3,000
DPR	0	-	3,458	4,289	50,697	20.56%	26.39%	12.94	0.26	0.31	1.09	3,000

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 08/05/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa


Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSN	1,666,850	OGC	442,960
2	KDC	1,116,940	EIB	194,800
3	HAG	837,750	KBC	176,840
4	PET	660,090	DPM	143,210
5	HPG	185,470	SBT	108,630

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	609,800	KLS	496,400
2	PVS	256,300	VIG	90,600
3	PVX	220,200	EBS	10,000
4	DBC	107,300	UNI	7,800
5	PVC	96,500	BCC	6,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	14.8	14.7	↓ -0.68%	19,210,405
PET	18.2	18.9	↑ 3.85%	4,705,931
ITA	6.9	6.6	↓ -4.35%	2,981,570
SAM	7.2	7.3	↑ 1.39%	2,043,920
MSN	113.0	110.0	↓ -2.65%	1,708,430

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	5.4	5.2	↓ -3.70%	5,661,130
SCR	7.6	7.3	↓ -3.95%	4,267,498
SHB	6.9	6.8	↓ -1.45%	4,025,598
NVB	6.6	7.0	↑ 6.06%	2,012,000
KLS	8.6	8.4	↓ -2.33%	1,838,170

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGD	65.0	69.5	4.5	↑ 6.92%
RIC	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
SCD	17.8	19.0	1.2	↑ 6.74%
TS4	10.4	11.1	0.7	↑ 6.73%
SAV	9.0	9.6	0.6	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD8	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
HBE	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
NPS	12.0	13.2	1.2	↑ 10.00%
PPE	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
DHT	20.4	22.4	2.0	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TIC	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
RDP	15.9	14.8	-1.1	↓ -6.92%
HDG	11.8	11.0	-0.8	↓ -6.78%
PPC	23.6	22.0	-1.6	↓ -6.78%
COM	30.0	28.0	-2.0	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
GGG	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
KTT	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
VC6	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
VNN	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	19,210,405	13.3%	1,731	8.5	1.1
PET	4,705,931	15.4%	2,704	7.0	1.1
ITA	2,981,570	0.6%	71	93.4	0.5
SAM	2,043,920	4.6%	806	9.1	0.4
MSN	1,708,430	8.5%	2,087	52.7	5.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	5,661,130	-47.8%	(3,714)	-	0.7
SCR	4,267,498	4.0%	622	11.7	0.5
SHB	4,025,598	22.0%	2,761	2.5	0.6
NVB	2,012,000	0.1%	8	868.8	0.7
KLS	1,838,170	0.4%	55	153.5	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGD	↑ 6.9%	19.0%	7,787	8.9	1.7
RIC	↑ 6.9%	0.8%	125	49.4	0.4
SCD	↑ 6.7%	14.9%	2,964	6.4	1.0
TS4	↑ 6.7%	7.8%	1,681	6.6	0.5
SAV	↑ 6.7%	3.2%	964	10.0	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SD8	↑ 14.3%	-422.0%	(12,253)	(0.1)	(0.2)
HBE	↑ 10.0%	0.7%	76	57.9	0.4
NPS	↑ 10.0%	15.5%	2,690	4.9	0.7
PPE	↑ 10.0%	-23.5%	(1,946)	(1.1)	0.3
DHT	↑ 9.8%	11.7%	2,342	9.6	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	1,666,850	8.5%	2,087	52.7	5.4
KDC	1,116,940	9.0%	2,235	23.3	2.1
HAG	837,750	3.7%	640	36.7	1.3
PET	660,090	15.4%	2,704	7.0	1.1
HPG	185,470	14.9%	3,005	9.7	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	609,800	22.0%	2,761	2.5	0.6
PVS	256,300	18.4%	3,211	4.3	0.7
PVX	220,200	-47.8%	(3,714)	-	0.7
DBC	107,300	4.7%	1,365	13.8	0.8
PVC	96,500	19.1%	3,737	3.9	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	103,357	40.4%	7,294	17.0	6.1
GAS	103,278	38.7%	5,175	10.5	3.8
MSN	75,601	8.5%	2,087	52.7	5.4
VCB	65,119	12.5%	2,236	12.6	1.6
VIC	59,865	18.4%	2,041	31.6	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,191	3.1%	424	38.2	1.2
SQC	8,778	9.1%	1,110	71.9	6.4
PVS	6,209	18.4%	3,211	4.3	0.7
SHB	6,025	22.0%	2,761	2.5	0.6
VCG	4,550	2.0%	291	35.4	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BVH	2.07	11.3%	1,981	25.0	2.8
HSG	2.06	20.1%	4,027	10.4	2.1
OGC	2.02	2.5%	278	40.7	1.0
KBC	2.00	-10.4%	(1,503)	-	0.6
ITA	1.95	0.6%	71	93.4	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVA	3.21	-80.0%	(6,631)	-	0.9
VCG	3.19	2.0%	291	35.4	0.9
S96	3.05	-6.0%	(462)	-	0.4
SCR	3.04	4.0%	622	11.7	0.5
PXA	3.02	-48.1%	(4,075)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)